

Số: 150 /KH- UBND

Hiệp Hòa, ngày 27 tháng 10 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường phổ thông trên địa bàn huyện Hiệp Hòa giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghệ thông tin đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 6/9/2017 của UBND tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025, UBND huyện Hiệp Hòa ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các trường phổ thông trên địa bàn huyện Hiệp Hòa giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG DẠY TIN HỌC VÀ ỨNG DỤNG CNTT TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

I. Qui mô, mạng lưới trường, lớp

Toàn huyện có 59 trường, trong đó 32 trường tiểu học, 24 trường THCS và 3 trường TH&THCS. bậc tiểu học có 680 lớp với 21222 học sinh; bậc THCS với 384 lớp và 14318 học sinh.

II. Cơ sở hạ tầng dạy học tin học và ứng dụng công nghệ thông tin

1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên tin học

1.1. Giáo viên tin học

Toàn huyện có 106 giáo viên dạy tin học: bậc tiểu học có 35 giáo viên dạy Tin học, trong đó có 22 giáo viên được đào tạo chuyên về Tin học (11 giáo viên có trình độ Đại học, 11 giáo viên có trình độ Cao đẳng) và 13 giáo viên dạy kiêm nhiệm có Chứng chỉ Tin học. bậc THCS có 71 giáo viên dạy Tin học, trong đó có 29 giáo viên được đào tạo chuyên về tin học (11 giáo viên có trình độ Đại học, 18 giáo viên có trình độ Cao đẳng) và 42 giáo viên dạy kiêm nhiệm được đào tạo các môn Toán - Tin, Lý- Tin (18 giáo viên có trình độ Đại học, 24 giáo viên có trình độ Cao đẳng).

(Chi tiết tại phụ lục 1a, 1b)

1.2. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin

Toàn huyện có 3 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các trường THCS: Bắc Lý, Đoàn Bái, Hoàng An. Còn lại các trường đều không có cán bộ chuyên trách về CNTT, do đó đầu mỗi năm, tổ chức các hoạt động ứng dụng về CNTT thường được giao cho giáo viên không chuyên, cán bộ hành chính

hoặc giáo viên Tin học kiêm nhiệm.

1.3. Năng lực sử dụng CNTT của cán bộ, giáo viên

Toàn ngành GD&ĐT huyện hiện có trên 70% cán bộ, giáo viên tự trang bị máy vi tính và kết nối Internet tại gia đình; cơ bản CBQL biết sử dụng máy tính và ứng dụng CNTT; đa số giáo viên sử dụng thành thạo máy vi tính hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học, biết soạn giáo án điện tử, khai thác tài liệu, tài nguyên trên mạng để phục vụ dạy học.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin

2.1. Hạ tầng internet

100% trường học trong huyện đều có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ cho công tác quản lý và dạy học với 132 đường truyền Internet. Hầu hết, các đơn vị đều thiết lập mạng nội bộ, mạng không dây để chia sẻ kết nối Internet cũng như chia sẻ tài nguyên phục vụ hoạt động quản lý, điều hành và dạy học.

2.2. Máy tính và thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học Tin học

Toàn huyện có 55 phòng máy với 573 máy tính cho việc dạy tin học. Trong đó bậc tiểu học có 30 phòng máy với 327 máy tính, tỷ lệ bình quân 10,9 máy tính/phòng máy, đạt 28.7 học sinh/máy tính; còn 02 trường chưa có phòng máy tính. Bậc học THCS có 25 phòng máy với 246 máy tính, tỷ lệ bình quân 9.84 máy tính/phòng máy, 34.4 học sinh/1 máy tính; còn 03 trường chưa có phòng máy phục vụ dạy tin học cho học sinh.

Các trường đều trang bị máy chiếu Projector để hỗ trợ, ứng dụng CNTT trong dạy học. Toàn huyện có 205 máy chiếu, trong đó bậc tiểu học có 112 máy chiếu, bình quân đạt 3.5 máy chiếu/ trường. Các trường THCS, THPT có 93 máy chiếu, bình quân đạt 3,44 máy chiếu/ trường.

Tuy nhiên, thực tế, đa số các máy vi tính được trang bị theo nhiều giai đoạn, không đồng bộ, cấu hình thấp, hạn chế khi nâng cấp, nhiều máy đã hỏng nhiều lần khó khắc phục sửa chữa; chủ yếu phục vụ việc dạy học tin học ở mức độ tối thiểu, chưa đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi thực tiễn khi tổ chức dạy học theo nội dung của chương trình giáo dục phổ thông mới. Bên cạnh đó, hầu hết các trường chưa quan tâm sát sao tới công tác quản lý trang thiết bị dạy học Tin học, chưa có quy chế quản lý phòng máy, chưa có hoặc có nhưng không cập nhật sổ nhật ký quản lý phòng máy... vì vậy việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị chưa được chú trọng, ảnh hưởng tới hoạt động dạy học, hư hại trang thiết bị, không phát huy hiệu quả và đáp ứng nhu cầu dạy học.

(Chi tiết tại phụ lục 2a, 2b)

III. Thực trạng dạy Tin học và ứng dụng công nghệ thông tin

1. Dạy và học Tin học

1.1. Cấp tiểu học

Năm học 2017-2018, đang triển khai dạy Tin học đối với các khối lớp 3,4,5 với 293 lớp và 9387 học sinh được học Tin học; tỉ lệ học sinh được học Tin học là 9387/12297 đạt 76.3%

1.2. Cấp THCS

Năm học 2017-2018 có 232 lớp với 8640 học sinh được học môn Tin học tự chọn; tỷ lệ học sinh được học môn Tin học là 8640/14318 đạt 60.3%.

(Chi tiết tại phụ lục 3a, 3b)

2. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông

2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành

Hiện tại, Phòng GD&ĐT và 96 trường từ cấp học mầm non đến THCS trong huyện, đang duy trì thường xuyên công thông tin điện tử và hệ thống thư điện tử theo tên miền riêng do Sở GD&ĐT quản lý và phân phối. Hầu hết các trường đã duy trì sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc thường xuyên. Việc trao đổi văn bản đã được thực hiện cơ bản qua hệ thống thư điện tử và các hệ thống hỗ trợ quản lý, điều hành. Hằng năm, tỷ lệ văn bản đi, đến theo hệ thống điện tử đạt tỷ lệ hơn 90%.

100% lãnh đạo, chuyên viên Phòng GD&ĐT được Sở GD&ĐT cấp hòm thư điện tử công vụ cá nhân. Việc điều hành và xử lý công việc hằng ngày đều qua hòm thư điện tử.

Hầu hết cán bộ quản lý các trường biết sử dụng máy tính và ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, tiếp nhận và gửi văn bản qua hệ thống thư điện tử.

2.2. Duy trì các phần mềm thống nhất dùng chung trong ngành GD&ĐT.

Ngành GD&ĐT duy trì sử dụng thống nhất, đồng bộ các phần mềm hỗ trợ quản lý do Bộ GD&ĐT triển khai, áp dụng trên toàn quốc gồm:

Hệ thống thông tin quản lý thống kê giáo dục (EMIS): Theo mô hình tập trung, trực tuyến; đã triển khai, duy trì thống nhất trong phạm vi toàn ngành, hình thành cơ sở dữ liệu về thông tin quản lý GD&ĐT huyện, tỉnh và toàn quốc.

Phần mềm phổ cập giáo dục - chống mù chữ: Áp dụng cho các bậc học, là phần mềm công cụ được Bộ GD&ĐT triển khai theo mô hình trực tuyến, phục vụ cho công tác điều tra, thống kê số liệu liên quan tới nội dung, nhiệm vụ phổ cập giáo dục của ngành GD&ĐT; phần mềm chưa đồng bộ, liên thông về cơ sở dữ liệu với các hệ thống phần mềm quản lý trường học khác.

Phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục: Áp dụng đối với các bậc học, được triển khai theo mô hình trực tuyến, là một công cụ hỗ trợ công tác xây dựng báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục phổ thông trên toàn quốc (chi phí do đơn vị tự chi trả, riêng các trường mầm non được doanh nghiệp miễn phí những năm đầu).

Hệ thống thông tin thống kê giáo dục tiểu học: Áp dụng riêng bậc Tiểu học, là phần mềm triển khai theo hình thức trực tuyến, hỗ trợ công tác thông tin, thống kê số liệu đối với cấp Tiểu học.

Phần mềm hỗ trợ quản lý giáo dục mầm non: Áp dụng riêng bậc Mầm non, triển khai theo hình thức trực tuyến, hỗ trợ công tác quản lý giáo dục mầm non, hình thành hệ thống thông tin quản lý liên quan trực tiếp tới bậc học.

Phần mềm quản lý nhân sự (PMIS): Áp dụng cho toàn bộ các cơ sở giáo dục, phòng GD&ĐT và Sở GD&ĐT. Là phần mềm máy trạm, sản phẩm của dự án

SREM, hỗ trợ quản lý thông tin về cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành GD&ĐT. Tuy nhiên, phần mềm chỉ trao đổi cơ sở dữ liệu theo hình thức ngoại tuyến, nên việc cập nhật, kiểm soát cơ sở dữ liệu về đội ngũ còn nhiều bất cập.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học

Trong những năm qua, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT làm tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, nhất là việc ứng dụng CNTT trong dạy học cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các nhà trường. Thông qua hệ thống trang mạng trường học kết nối, 100% các trường phổ thông đã duy trì thường xuyên các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, tổ chức các hoạt động cho học sinh và khai thác nguồn tài liệu trên hệ thống trang mạng này. Hơn 90% đội ngũ giáo viên biết sử dụng máy tính và internet để khai thác thông tin hỗ trợ cho việc dạy và học và ứng dụng CNTT trong các giờ dạy.

Giáo viên các trường tích cực tham gia cuộc thi thiết kế hồ sơ bài giảng e-Learning do Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT tổ chức, qua đó cùng với cả nước xây dựng hệ thống kho bài giảng điện tử E-Learning có chất lượng.

Bên cạnh đó, còn một bộ phận nhỏ giáo viên năng lực sử dụng, khai thác và ứng dụng CNTT còn hạn chế, chưa biết khai thác, tìm tòi nguồn tài nguyên trên mạng Internet để phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ, chưa sử dụng thành thạo một số phần mềm hỗ trợ quản lý, dạy học.

IV. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

1. Khó khăn, hạn chế

- Cơ sở vật chất phòng tin học, máy tính hiện có còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học Tin học. Nhiều máy tính trong các nhà trường được trang bị đã lâu, không đồng bộ, cấu hình thấp và khó nâng cấp; nhiều máy tính đã bị hỏng, không có khả năng sửa chữa.

- Đội ngũ giáo viên dạy Tin học còn thiếu; hầu hết giáo viên dạy kiêm nhiệm môn Tin học trong các trường tiểu học chỉ có Chứng chỉ Tin học

2. Nguyên nhân

Do điều kiện kinh tế của huyện còn nhiều khó khăn, việc bố trí ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm máy tính và thiết bị CNTT đáp ứng nhu cầu dạy và học còn chưa được quan tâm.

Công tác tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, vận động xã hội hóa giáo dục phục vụ dạy và học Tin học trong một số nhà trường còn hạn chế.

Công tác quản lý, chỉ đạo dạy và học môn Tin học trong các nhà trường chưa được quan tâm, do môn Tin học chỉ là môn học tự chọn, chưa bắt buộc.

Phần thứ hai

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. Mục tiêu, nhiệm vụ

1. Mục tiêu chung

Tăng cường ứng dụng CNTT nhằm đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản

lý, điều hành của toàn ngành; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng GD&ĐT.

Đổi mới toàn diện việc dạy và học tin học trong các trường phổ thông trên địa bàn huyện; triển khai có hiệu quả ngay từ những năm đầu áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới, bảo đảm các mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học.

Từng bước kiện toàn đội ngũ giáo viên dạy học tin học, cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị, cơ sở giáo dục có đủ năng lực, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; sắp xếp, bố trí đủ số lượng giáo viên tin học và nhân viên CNTT. Rà soát, chuẩn hóa, bổ sung và hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy và học bộ môn Tin học và ứng dụng CNTT tại các trường trong huyện.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ đến năm học 2020-2021

2.1. Dạy học tin học

Triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới đồng bộ ở các cấp học đảm bảo chất lượng, không chạy theo thành tích; trên cơ sở Đề án 550 và thực tiễn của huyện, theo lộ trình:

Năm học 2017-2018: Triển khai dạy thí điểm Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông mới đối với học sinh lớp 3 tại các trường tiểu học: Đức Thắng 1, Đức Thắng 2, Thị trấn, Hoàng Lương với 15 lớp và 539 học sinh; còn lại dạy theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

Năm học 2018-2019: Tổ chức dạy Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông mới đối với 100% học sinh lớp 3 và lớp 6; các khối lớp còn lại dạy theo chương trình hiện hành.

Năm học 2019-2020: Tổ chức dạy Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông mới đối với 100% học sinh khối lớp 3,4,6,7; các khối lớp còn lại dạy theo chương trình hiện hành.

Năm học 2020-2021: Tổ chức dạy Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông mới đối với 100% học sinh khối lớp 3,4,5, 6,7,8; khối 9 học theo chương trình cũ.

Từ năm học học 2021-2022: Tổ chức dạy Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông mới đối với 100% học sinh từ lớp 3 đến lớp 9.

(Chi tiết tại phụ lục 4a, 4b)

2.2. Ứng dụng CNTT

2.2.1. Trong công tác quản lý, điều hành

Hình thành cơ sở dữ liệu chung toàn ngành; phấn đấu 100% các trường học từ mầm non đến THCS thực hiện quản lý hành chính, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; 70% lớp bồi dưỡng chuyên môn được thực hiện qua mạng, trong đó, từ nay tới năm 2020 tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Xây dựng khung kiến trúc và hệ thống cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2018.

- Triển khai phần mềm quản lý nhà trường toàn huyện để đồng bộ và đưa

vào cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh, dự kiến thực hiện trong năm 2018.

- Khảo sát, xây dựng hệ thống thông tin tuyển sinh đầu cấp, tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu của toàn ngành, dự kiến triển khai từ năm học 2018-2019.

- Xây dựng hệ thống Trung tâm học liệu điện tử, tích hợp, quản lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu về hệ thống bài giảng điện tử, sách điện tử, các phần mềm dạy học, các tư liệu khác về dạy học và đổi mới phương pháp dạy học, dự kiến thời gian triển khai từ năm 2018.

- Triển khai các chương trình quản lý giáo dục tích hợp hệ thống Website các trường học, các phòng GD&ĐT và Sở GD&ĐT, dự kiến triển khai từ năm 2018.

2.2.2. Trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT cho cán bộ, giáo viên và nhân viên trong toàn ngành giáo dục, phấn đấu 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục sử dụng CNTT thành thạo trong công việc, có năng lực đạt theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

100% giáo viên cấp phổ thông khai thác và tham gia xây dựng hệ thống học tập điện tử do Bộ GD&ĐT triển khai. 100% các trường phổ thông biết khai thác, xây dựng kho học liệu số dùng chung toàn ngành (gồm bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); ứng dụng CNTT trong quản lý nhà trường, trong đó 70% trường học sử dụng hồ sơ, sổ sách quản lý điện tử.

3. Định hướng đến năm 2025

Rà soát và kiện toàn đầy đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng, đội ngũ giáo viên để tổ chức dạy học tin học hoàn toàn theo CTGDPT mới đối với 100% các khối lớp từ lớp 3 đến 9.

Ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học của toàn ngành giáo dục đạt trình độ tiên tiến so với mặt bằng chung cả nước, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT. Trong đó, 100% học sinh THCS sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực tin học để có thể sử dụng các ứng dụng CNTT và khai thác Internet phục học tập, cuộc sống. 100% nhà trường được kết nối với mạng diện rộng của tỉnh. 100% các trường theo phân cấp quản lý trao đổi, xử lý công việc trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc tập trung. 95% các cuộc họp của ngành GD&ĐT được tổ chức qua môi trường trực tuyến. 100% dịch vụ công của toàn ngành GD&ĐT được thực hiện trực tuyến mức độ 3, trong đó 55% mức độ 4. Tích hợp hệ thống thông tin của toàn ngành GD&ĐT trên một hệ thống tích hợp, tập trung.

II. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với nhiệm vụ dạy học Tin học và ứng dụng CNTT

Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong các nhà trường về vị trí, vai trò của CNTT nói chung, bộ môn Tin học nói riêng trong sự phát triển của khoa học công nghệ, của kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế. Đội ngũ nhà giáo và CBQL ngành giáo dục phải tiên phong trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả: Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 136-NQ/TU ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 84-KH/HU, ngày 13 tháng 1 năm 2015 của Huyện ủy Hiệp Hòa thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án tại các nhà trường. Đưa việc đánh giá kết quả thực hiện dạy học Tin học và ứng dụng CNTT của các nhà trường vào tiêu chí đánh giá đơn vị, trên cơ sở đó đánh giá trách nhiệm của hiệu trưởng. Định kỳ tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các trường; lựa chọn những đơn vị tiêu biểu để phổ biến, nhân rộng điển hình; khen thưởng động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng, chuẩn hóa nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu dạy học Tin học và ứng dụng CNTT

Rà soát, chuẩn hóa, sắp xếp đội ngũ giáo viên Tin học, nhân viên phụ trách CNTT đảm bảo cơ cấu định mức, đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao; kết hợp giữa tuyển dụng và sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm.

Bố trí sắp xếp hợp lý đội ngũ giáo viên Tin học trong các trường phổ thông trên địa bàn đảm bảo cân đối giữa các trường; trong điều kiện chưa có đủ giáo viên thì bố trí giáo viên dạy liên trường; rà soát, sáp nhập các trường có quy mô nhỏ thành hệ thống trường liên cấp để tận dụng nguồn lực giáo viên dôi dư.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại, cập nhật kiến thức cho đội ngũ giáo viên Tin học, cán bộ kiêm nhiệm, chuyên trách CNTT tại các trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, có đủ năng lực tham mưu, tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

Duy trì đội ngũ giáo viên cốt cán nòng cốt trong công tác bồi dưỡng giáo viên ở các cấp học; nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới đáp ứng yêu cầu, mục tiêu bộ môn Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp, các kỹ thuật tổ chức dạy học tích cực, các hoạt động kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học về CNTT và truyền thông. Xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động gắn với các chính sách hỗ trợ, khuyến khích. Tăng cường chỉ đạo công tác tự học, tự bồi dưỡng và cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên không chuyên về Tin học qua hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT hiện hành. Trong đó, tăng cường quản lý, bồi dưỡng, tập huấn theo hướng trực tuyến,

trên môi trường mạng gắn với cập nhật nội dung các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về ứng dụng CNTT, vận dụng các mô hình bồi dưỡng theo hình thức tiên tiến, phù hợp, phát huy quả thiết thực; thí điểm bồi dưỡng giáo viên về kỹ năng sử dụng CNTT tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở GD&ĐT, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực ứng dụng CNTT.

Hàng năm UBND huyện rà soát, căn cứ vào nhu cầu đề nghị UBND tỉnh tuyển giáo viên Tin học có trình độ đào tạo chính quy. Phần đầu đến năm 2020 có đủ số lượng giáo viên dạy Tin học, theo lộ trình: Năm 2018-2019 tuyển 23 giáo viên tiểu học và 5 giáo viên THCS; năm học 2019-2020 tuyển 1 giáo viên tiểu học và 2 giáo viên THCS; năm học 2020-2021 tuyển 3 giáo viên tiểu học và 5 giáo viên THCS; năm học 2021-2022 tuyển 12 giáo viên THCS.

(Chi tiết tại phụ lục 5a, 5b)

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT và thiết bị phục vụ dạy học và ứng dụng CNTT.

Ngoài ngân sách tỉnh hỗ trợ, hàng năm UBND huyện, các trường học dành nguồn kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị, máy tính đảm bảo mỗi trường phổ thông có ít nhất 01 phòng học Tin học đảm bảo quy mô trường có dưới 800 học sinh học tin học có 01 phòng máy, trường có số học sinh học tin học từ 800 học sinh (25 lớp) trở lên có 02 phòng máy, mỗi phòng 25 máy tính, nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá chất lượng học tập Tin học hiện nay và ứng dụng CNTT trong những năm tiếp theo. Bổ sung hạ tầng CNTT và thiết bị phục vụ dạy học và ứng dụng CNTT. Chỉ đạo các xã, thị trấn khi xây dựng phòng học, chú ý xây dựng phòng học Tin học dành cho các cấp học.

4. Đẩy mạnh việc xã hội hóa phòng máy vi tính phục vụ dạy Tin học.

Tích cực vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, phụ huynh học sinh ủng hộ, tài trợ đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học Tin học, phòng máy tính học Tin học. Việc tài trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Từ nguồn ngân sách huyện, xã, kinh phí sự nghiệp giáo dục và nguồn huy động hợp pháp khác tập trung, từng bước mua sắm đủ số máy tính cho các phòng học Tin học.

Trong điều kiện ngân sách của huyện còn khó khăn, ngân sách các trường chưa đủ để mua sắm, sửa chữa bảo trì phòng máy tính, khuyến khích các trường trao đổi thống nhất với phụ huynh học sinh thuê phòng học thực hành Tin học; mức đóng góp kinh phí thuê phòng máy tính cho học sinh học tin học phải được bàn bạc công khai, dân chủ trong hội đồng nhà trường, trao đổi thỏa thuận với phụ huynh. Các trường chỉ thực hiện khi phụ huynh nhất trí; kinh phí học sinh đóng góp thuê phòng máy tính các trường phải hạch toán qua sổ sách kế toán của trường. Các trường tận dụng số máy tính sẵn có của đơn vị cho học sinh học tin học, chỉ thuê thêm số máy tính còn thiếu để đảm bảo mỗi phòng có 25 máy tính cho học sinh học; dự kiến mức kinh phí đóng không quá 16.000 đồng/tháng/ 1 học sinh.

5. Đổi mới các hoạt động dạy và học, hình thức thi, kiểm tra, đánh giá

Triển khai Chương trình mới đồng bộ ở các cấp học đảm bảo chất lượng,. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, coi việc đổi mới phương pháp, áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực, đổi mới kiểm tra đánh

giá là yêu cầu bắt buộc và là tiêu chí để đánh giá, xếp loại, sàng lọc giáo viên; đổi mới hình thức tổ chức dạy học nhằm giúp giáo viên và người học từ hiểu, cho đến biết vận dụng vào thực tiễn.

Đẩy mạnh đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực, kiểm tra đánh giá đầy đủ các kỹ năng sử dụng, vận dụng kiến thức của người học; kiểm tra năng lực vận dụng thông qua các dự án, hồ sơ học tập, đảm bảo yêu cầu về năng lực sử dụng Tin học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Việc kiểm tra, đánh giá năng lực của học sinh phải phản ánh mức độ đáp ứng các yêu cầu cầu đạt về phẩm chất và năng lực quy định trong chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng và kiện toàn tổ, nhóm chuyên môn ở mỗi cấp học, liên cấp; mỗi năm học, dưới sự chỉ đạo, giám sát của chuyên viên Phòng GD&ĐT và giáo viên cốt cán, tăng cường hoạt động giao lưu, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Khuyến khích giáo viên Tin học, nhân viên phụ trách CNTT tham gia vào các câu lạc bộ về Tin học và CNTT, qua đó tăng cường giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, cập nhật kiến thức, công nghệ mới.

5. Xây dựng hệ thống giáo dục điện tử, trường học điện tử

Dựa trên điều kiện thực tiễn và khả năng của từng trường, các đơn vị từng bước triển khai, áp dụng hệ thống giáo dục điện tử, trường học điện tử đảm bảo nguyên tắc ứng dụng CNTT một cách hiệu quả, thiết thực, nhằm hiện đại hóa công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy-học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Từng bước củng cố cơ sở vật chất, hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ quản lý và dạy học bao gồm: mạng LAN, Internet tốc độ cao, mạng không dây (wifi), phòng máy tính, máy tính phục vụ quản lý, máy tính phục vụ chuyên môn, máy in, webcam/camera, thiết bị trình chiếu (màn chiếu, màn hình)... và một số trang thiết bị tiên tiến, các thiết bị được bố trí trong phòng có đủ diện tích, ánh sáng và bàn ghế, tiện nghi phục vụ phù hợp.

Hoàn thiện hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học; hệ thống quản lý nhà trường gồm quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu, sổ quản lý điện tử... tích hợp với trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục trên môi trường mạng ở tất cả các cấp học.

Đảm bảo nguồn lực đầu tư duy trì hạ tầng giáo dục điện tử, trường học điện tử; ưu tiên lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án hiện có gắn với thuê dịch vụ CNTT và thu hút nguồn lực xã hội hóa.

Xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản quy định, quy chế quản lý, vận hành, duy trì và áp dụng mô hình giáo dục điện tử, trường học điện tử một cách khoa học và hiệu quả.

III. Nhu cầu nguồn kinh phí

1. Nhu cầu kinh phí

1- Kinh phí trang bị máy tính và thiết bị ứng dụng CNTT: 26.851 triệu đồng.

2- Kinh phí mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên: 1.120,5 triệu đồng.

Tổng kinh phí: 27.971,5 triệu đồng.

(Hai mươi bảy tỷ chín trăm bảy mươi một triệu trăm ngàn đồng chẵn)

2. Nguồn kinh phí và lộ trình thực hiện

Thực hiện từ nguồn ngân sách các trường, huyện hỗ trợ, xã hội hóa giáo dục và các nguồn khác. Trong đó:

- Nguồn xã hội hóa giáo dục 5.594,3 triệu ;
- Ngân sách trường, ngân sách huyện hỗ trợ và các nguồn khác: 22.377,2 triệu.

Trong khi các trường chưa có nguồn kinh phí đầu tư thì có thể thực hiện phương án thuê phòng máy tính.

(Chi tiết tại các phụ lục 6a, 6b, 7,8)

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện, xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng năm để thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; chỉ đạo, hướng dẫn các trường phổ thông trong huyện tổ chức thực hiện; kiểm tra đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND huyện, Sở GD&DDT.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Tin học nhằm nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng mục tiêu kế hoạch.

Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch biên chế giáo viên Tin học để nghị UBND tỉnh bổ sung hằng năm, đảm bảo đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về trình độ; điều động, luân chuyển, sử dụng giáo viên Tin học đảm bảo cân đối.

Phối hợp với Phòng Tài chính- Kế hoạch trình UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo từng năm.

2. Phòng Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục & Đào tạo hằng năm tham mưu UBND huyện đề nghị tuyển bổ sung giáo viên Tin học đảm bảo đủ về số lượng và chuẩn về trình độ.

3. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện bố trí nguồn kinh phí mua sắm cơ sở vật chất trang thiết bị dạy Tin học hỗ trợ các trường học thực hiện kế hoạch; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch.

Thẩm định, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn chủ trương đầu tư đối với các dự án xây dựng mới đảm bảo có phòng học Tin học đạt chuẩn.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin

Hướng dẫn các xã, thị trấn làm tốt công tác tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về chương trình giáo dục phổ thông mới và sự nghiệp đổi mới giáo dục cũng như vai trò của công nghệ thông tin trong công cuộc sống và môn Tin học trong các trường phổ thông.

5. Đài Truyền thanh huyện

Tích cực viết bài và tăng thời lượng tuyên truyền kế hoạch này đến đông đảo nhân dân; tuyên truyền, phổ biến gương điển hình tiêu biểu, những mô hình hay trong việc dạy Tin học, và ứng dụng CNTT ở các nhà trường, địa phương.

6. UBND các xã, thị trấn

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông trên địa bàn; khi thiết kế công trình xây dựng mới phòng học cần rà soát thực tế cơ sở vật chất đảm bảo có đủ phòng học Tin học.

Thực hiện công tác tuyên truyền và làm tốt công tác xã hội hóa, nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của nhân dân, phụ huynh để triển khai có hiệu quả kế hoạch.

7. Các trường phổ thông trong huyện.

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể giáo viên, nhân viên, học sinh về mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch từ đó xác định, cụ thể hóa nhiệm vụ của nhà trường theo lộ trình từng năm học.

Tham mưu UBND xã, thị trấn tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng phòng học Tin học đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học môn Tin học.

Hằng năm dành nguồn kinh phí để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất (mua máy tính, nâng cấp sửa chữa máy cũ...) đảm bảo đủ máy tính để dạy học sinh theo quy định.

Tạo điều kiện để giáo viên Tin học của đơn vị được tham gia các lớp tập huấn, các khóa bồi dưỡng do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức và đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

8. Đề nghị Ban Tuyên giáo Huyện ủy, UBMTTQ, các đoàn thể huyện

Phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo làm tốt công tác tuyên truyền tới nhân dân, phụ huynh học sinh nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Thường trực HU, HĐND huyện, MTTQ huyện;
- Ban Tuyên giáo HU; Hội LHPN huyện, Huyện đoàn; Hội CCB huyện, Hội khuyến học huyện.;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Công an huyện;
- Lưu VT.

Bản điện tử:

- Các phòng: GD&ĐT, Tài chính- Kế hoạch, Văn hóa và Thông tin, Đài truyền thanh huyện; - UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVX. *12*

**TM. UBND HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tạ Việt Hùng

(Kèm theo Kế hoạch số 150/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

Stt	Tên trường	Tổng số GV tin học	Trình độ chuyên môn về Tin học					Kiểm nhiệm(có chứng chỉ Tin học)			
			Tổng số	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Tổng số	Đại học	Cao đẳng	Chứng chỉ Tin
1	Tiểu học Hoàng Thanh	2	0					2			2
2	Tiểu học Thanh Vân	1	0					1			1
3	Tiểu học Hoàng Vân	1	0					1			1
4	Tiểu học Thái Sơn	1	0					1			1
5	Tiểu học Hoà Sơn	1	0					1			1
6	Tiểu học Hùng Sơn	1	0					1			1
7	Tiểu học Thường Thắng	1	1		1			0			
8	Tiểu học Hoàng An	1	0					1			1
9	Tiểu học Ngọc Sơn	1	0					1			1
10	Tiểu học Lương Phong 1	1	1		1			0			
11	Tiểu học Lương Phong 2	1	1			1		0			
12	Tiểu học Đức Thắng 1	1	1		1			0			
13	Tiểu học Đức Thắng 2	1	1			1		0			
14	Tiểu học Danh Thắng	1	1			1		0			
15	Tiểu học Hoàng Lương	1	1		1			0			
16	Tiểu học Thị trấn	1	1		1			0			
17	Tiểu học Đoàn Bái 1	1	1			1		0			
18	Tiểu học Đoàn Bái 2	1	1			1		0			
19	Tiểu học Bắc Lý 1	1	1		1			0			
20	Tiểu học Bắc Lý 2	1	0					1			1
21	Tiểu học Xuân Cầm	1	1		1			0			
22	Tiểu học Mai Trung 1	1	1			1		0			
23	Tiểu học Mai Trung 2	1	1			1		0			
24	Tiểu học Hợp Thịnh 1	1	1		1			0			
25	Tiểu học Hợp Thịnh 2	1	1			1		0			
26	Tiểu học Quang Minh	3	0					3			3
27	Tiểu học Hương Lâm 1	1	1		1			0			
28	Tiểu học Hương Lâm 2	1	1		1			0			
29	Tiểu học Đông Lỗ 1	1	1			1		0			
30	Tiểu học Đông Lỗ 2	1	1			1		0			
31	Tiểu học Châu Minh	1	1			1		0			
32	Tiểu học Mai Đình 1	1	1		1			0			
Tổng		35	22		11	11		13			13

UBND HUYỆN HIỆP HÒA
TỔNG HỢP GIÁO VIÊN DẠY TIN HỌC TRONG TRƯỜNG THCS TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Phụ lục 1b)
(Kèm theo Kế hoạch số 150/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

Stt	Tên trường	Tổng số GV tin học	Trình độ chuyên môn về Tin học							
			Được đào tạo chuyên về Tin học					Kiểm nhiệm(Toán -Tin, Lý-Tin.)		
			Tổng số	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Tổng số	Đại học	Cao đẳng
1	TH&THCS Mai Đình	1	1			1				
2	TH&THCS Đại Thành	2	1			1		1		1
3	TH&THCS Đồng Tân	1	1			1				
4	THCS Thanh Vân	1	1			1				
5	THCS Hoàng Vân	2						2	1	1
6	THCS Hoàng Lương	2	1			1		1		1
7	THCS Hoàng Thanh	2						2	1	1
8	THCS Ngọc Sơn	5	1			1		4		4
9	THCS Thị Trăn Thắng	2	1			1		1	1	
10	THCS Danh Thắng	4	1		1			3		3
11	THCS Đức Thắng	3	2		1	1		1	1	
12	THCS Bắc Lý	1	1			1				
13	THCS Mai Đình	4	1			1		3	3	
14	THCS Châu Minh	2	1			1		1	1	
15	THCS Hương Lâm	6	2		1	1		4	1	3
16	THCS Xuân Cẩm	1	1		1					
17	THCS Mai Trung	4	2		1	1		2	2	
18	THCS Thường Thắng	5	1			1		4		4
19	THCS Hợp Thịnh	2	2		2					
20	THCS Đông Lỗ	7	2			2		5	1	4
21	THCS Đoàn Bái	5	1		1			4	3	1
22	THCS Lương Phong	2	2		1	1				
23	THCS Thái Sơn	1	1		1					
24	THCS Hòa Sơn	1						1	1	
25	THCS Hùng Sơn	1	1			1				
26	THCS Quang Minh	3	1		1			2	1	1
27	THCS Hoàng An	1						1	1	
Tổng toàn huyện		71	29	0	11	18	0	42	18	24

UBND HUYỆN HIỆP HÒA
TỔNG CSVCS, THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ ỨNG DỤNG CNTT TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC
(Phụ lục 2a)
(Kèm theo Kế hoạch số 17/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Số lớp, học sinh học tin học đến năm 2020-2021		Cơ sở vật chất hiện tại								Nhu cầu bổ sung				
				Tổng số phòng máy	Tổng số máy tính	Tổng số máy tính dùng cho dạy học		Số máy in	Số máy chiếu	Số đường truyền Internet	Số máy truy cập được Internet	Số phòng máy	Số máy tính	Số máy in	Số máy chiếu	Số đường truyền Internet cho phòng máy HS
						Trong đó										
						Số máy tính dùng để ứng dụng CNTT trong dạy học	Số máy cho việc dạy tin học									
1	Tiểu học Hoàng Thanh	10	303	1	13	3	10	3	3	1	13		15	2	3	1
2	Tiểu học Thanh Vân	11	353	1	11	4	7	4	10	2	11		18	1	0	0
3	Tiểu học Hoàng Vân	12	353	1	16	6	10	4	5	2	16		15	1	2	0
4	Tiểu học Thái Sơn	11	354	1	15	3	12	5	3	2	15		13	0	4	0
5	Tiểu học Hoà Sơn	9	376	1	15	3	12	5	3	2	15		13	0	2	0
6	Tiểu học Hùng Sơn	10	323	1	8	1	7	3	3	2	8		18	2	3	0
7	Tiểu học Thường Thắng	20	651	1	10		10	4	3	2	10		15	1	9	0
8	Tiểu học Hoàng An	13	391	1	11	3	8	4	4	2	11		17	1	4	0
9	Tiểu học Ngọc Sơn	19	666	1	10	4	6	4	3	1	10		19	1	8	1
10	Tiểu học Lương Phong 1	9	342	1	13	3	10	4	4	1	13		15	1	1	1
11	Tiểu học Lương Phong 2	15	442	1	18	5	13	3	3	1	18		12	2	6	1
12	Tiểu học Đức Thắng 1	13	437	1	17	2	15	4	3	2	17		10	1	5	0
13	Tiểu học Đức Thắng 2	12	477	1	18	3	15	5	4	2	18		10	0	3	0
14	Tiểu học Danh Thắng	15	501	1	2	0	2	2	3	1	2		23	3	6	1
15	Tiểu học Hoàng Lương	12	378	1	10	5	5	2	3	1	10		20	3	4	1
16	Tiểu học Thị trấn	14	472	1	20	7	13	3	5	1	20		12	2	3	1
17	Tiểu học Đoàn Bái 1	16	529	1	15	1	14	5	4	1	15		11	0	6	1
18	Tiểu học Đoàn Bái 2	10	319	1	16	2	14	4	4	1	16		11	1	2	1
19	Tiểu học Bắc Lý 1	11	360	1	12	7	5	3	3	2	12		20	2	4	0
20	Tiểu học Bắc Lý 2	9	272	1	12	2	10	4	3	1	12		15	1	2	1
21	Tiểu học Xuân Cầm	20	558	1	27	2	25	6	3	3	27		0	0	9	
22	Tiểu học Mai Trung 1	13	374	1	12	2	10	1	1	2	12		15	4	7	0
23	Tiểu học Mai Trung 2	16	511	1	16	0	16	3	3	2	16		9	2	7	0
24	Tiểu học Hợp Thịnh 1	16	500	1	10	2	8	5	4	1	10		17	0	6	1
25	Tiểu học Hợp Thịnh 2	7	186	1	11	2	9	2	1	1	11		16	3	3	1
26	Tiểu học Quang Minh	10	299	1	19	6	13	2	2	2	19		12	3	4	0
27	Tiểu học Hương Lâm 1	15	450	1	17	2	15	4	4	2	17		10	1	5	0
28	Tiểu học Hương Lâm 2	10	312	1	11	3	8	3	3	2	11		17	2	3	0
29	Tiểu học Đông Lỗ 1	24	690	1	24	6	18	4	3	1	24		7	1	11	1
30	Tiểu học Đông Lỗ 2	9	218	1	11	4	7	4	5	3	11		18	1	1	0
31	Tiểu học Châu Minh	23	726		0	0		4	3	2	0	1	25	1	11	0
32	Tiểu học Mai Đình 1	19	598		6	6		4	4	2	6	1	25	1	7	0
Tổng toàn huyện			13721	30	426	99	327	117	112	53	426	2	473	44	152	13

(Kèm theo Kế hoạch số 150/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	số học sinh học tin học đến năm 2021-2022		Cơ sở vật chất hiện tại								Nhu cầu bổ sung				
				Tổng số phòng máy	Tổng số máy tính dùng cho dạy học		Số máy in	Số máy chiếu	Số đường truyền Internet	Số máy truy cập được Internet	Số phòng máy	Số máy tính	Số máy in	Số máy chiếu	Số đường truyền Internet cho phòng máy HS	
		Tổng số máy tính	Trong đó													
			Số lớp		Số học sinh	Số máy tính dùng để ứng dụng CNTT trong dạy học										Số máy cho việc dạy tin học
1	TH&THCS Mai Đình	11	159	1	12	6	6	3	4	1	12		19	2	3	1
2	TH&THCS Đại Thành	14	205	1	7		7	5	4	2	7		18	0	4	0
3	TH&THCS Đông Tân	15	239	1	2	2	0	2	3	1	2		25	3	6	1
4	THCS Thanh Vân	11	392	1	15	3	12	1	4	2	15		13	4	3	0
5	THCS Hoàng Vân	11	458	1	8	3	5	4	8	2	8		20	1		0
6	THCS Hoàng Lương	18	419	1	8	1	8	1	1	1	8		17	4	10	1
7	THCS Hoàng Thanh	12	348	1	10	5	5	4	3	2	10		20	1	4	0
8	THCS Ngọc Sơn	14	678	1	8	0	8	5	2	1	8		17	0	6	1
9	THCS ThịTrần Thắng	20	638	1	21	1	20	6	4	3	21		5		8	
10	THCS Danh Thắng	18	575	1	12	2	10	4	4	1	12		15	1	7	1
11	THCS Đức Thắng	28	960	2	36	4	32	4	9	1	36		18	1	8	1
12	THCS Bắc Lý	25	898		2	2		3	3	2	2	2	50	2	12	0
13	THCS Mai Đình	20	674	1	8		8	5	3	2	8		17	0	9	0
14	THCS Châu Minh	20	707	1	13	3	10	3	3	2	13		15	2	9	0
15	THCS Hương Lâm	23	903	1	6	3	3	3	3	2	6	1	47	2	11	0
16	THCS Xuân Cầm	19	665		0		0	3	3	2	0	1	25	2	8	0
17	THCS Mai Trung	21	870	1	14		14	4	4	1	14	1	36	1	9	1
18	THCS Thường Thắng	16	649	1	1		1	3	3	2	1		24	2	7	0
19	THCS Hợp Thịnh	23	785	1	11		11	4	3	1	11		14	1	11	1
20	THCS Đông Lễ	28	1074	1	23	2	21	3	2	2	23	1	29	2	15	0
21	THCS Đoàn Bái	26	1071	1	7	2	5	4	5	2	7	1	45	1	11	0
2	THCS Lương Phong	28	1170	1	22		22	4	2	1	22	1	28	1	15	1
23	THCS Thái Sơn	12	428	1	20	0	20	4	4	1	20		5	1	3	1
24	THCS Hòa Sơn	11	395		6	6	0	2	1	1	6	1	25	3	6	1
25	THCS Hùng Sơn	11	389	1	2	2	0	3	3	1	2		25	2	4	1
26	THCS Quang Minh	11	328	1	20	5	15	3	3	2	20		10	2	4	0
27	THCS Hoàng An	12	388	1	8	5	3	3	2	1	8		22	2	5	1
Tổng toàn huyện		478	16465	25	302	57	246	93	93	42	302	9	604	43	198	13

UBND HUYỆN HIỆP HÒA

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH DẠY HỌC TIN HỌC

TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2017-2018

(phụ lục 3a)

(Kèm theo Kế hoạch số 10 /KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Học Tin học						Số lớp học Tin học	Số học sinh học Tin học
		Khối 3		Khối 4		Khối 5			
		số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh		
1	Tiểu học Hoàng Thanh					3	80	3	80
2	Tiểu học Thanh Vân					3	81	3	81
3	Tiểu học Hoàng Vân	4	123	3	87	4	123	11	333
4	Tiểu học Thái Sơn					3	101	3	101
5	Tiểu học Hoà Sơn			3	86	3	105	6	191
6	Tiểu học Hùng Sơn					3	101	3	101
7	Tiểu học Thường Thắng	5	172	4	124	5	162	14	458
8	Tiểu học Hoàng An	4	111	3	93	3	87	10	291
9	Tiểu học Ngọc Sơn	5	178	5	165	4	142	14	485
10	Tiểu học Lương Phong 1	3	115	3	135	5	153	11	403
11	Tiểu học Lương Phong 2	4	139	4	121	4	114	12	374
12	Tiểu học Đức Thắng 1	3	118	4	138	3	122	10	378
13	Tiểu học Đức Thắng 2	4	141	4	132	4	139	12	412
14	Tiểu học Danh Thắng			4	139	4	130	8	269
15	Tiểu học Hoàng Lương	4	126	3	88	4	106	11	320
16	Tiểu học Thị trấn	4	154	4	151	4	148	12	453
17	Tiểu học Đoàn Bái 1	5	175	5	147	0	0	10	322
18	Tiểu học Đoàn Bái 2	3	106	3	85	0	0	6	191
19	Tiểu học Bắc Lý 1	3	100	3	110	4	141	10	351
20	Tiểu học Bắc Lý 2					2	69	2	69
21	Tiểu học Xuân Cẩm			5	159	6	172	11	331
22	Tiểu học Mai Trung 1	2	61	3	90	3	103	8	254
23	Tiểu học Mai Trung 2	5	144	4	128	3	100	12	372
24	Tiểu học Hợp Thịnh 1	3	77	4	131	4	135	11	343
25	Tiểu học Hợp Thịnh 2	2	61	2	45	2	70	6	176
26	Tiểu học Quang Minh	3	89					3	89
27	Tiểu học Hương Lâm 1	1	24	4	115	4	123	9	262
28	Tiểu học Hương Lâm 2	3	98	3	79	3	90	9	267
29	Tiểu học Đông Lỗ 1			5	173	6	196	11	369
30	Tiểu học Đông Lỗ 2	3	82	3	74	3	80	9	236
31	Tiểu học Châu Minh	2	57	3	83	3	117	8	257
32	Tiểu học Mai Đình 1			5	163	5	169	10	332
33	TH&THCS Mai Đình	1	35	1	37	1	37	3	109
34	TH&THCS Đại Thành	2	53	2	52	2	51	6	156
35	TH&THCS Đồng Tân	2	54	2	62	2	55	6	171
Tổng toàn huyện		80	2593	101	3192	112	3602	293	9387

UBND HUYỆN HIỆP HÒA

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH DẠY HỌC TIN HỌC
TRONG TRƯỜNG THCS NĂM HỌC 2017-2018**

(Phụ lục 3b)

(Kèm theo Kế hoạch số 150/KH-UBND, ngày 15 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Học Tin học								Số lớp học Tin học	Số học sinh học Tin học
		Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9			
		số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh		
33	TH&THCS Mai Đình	1	42	1	45	1	28			3	115
2	TH&THCS Đại Thành	2	55	1	42					3	97
3	TH&THCS Đồng Tân	2	51	2	42	1	37			5	130
4	THCS Thanh Vân	3	99	3	97	3	98			9	294
5	THCS Hoàng Vân	3	119	3	126	3	95			9	340
6	THCS Hoàng Lương	3	103	3	110	2	80			8	293
7	THCS Hoàng Thanh	2	76	3	84	3	80			8	240
8	THCS Ngọc Sơn	5	192							5	192
9	THCS ThịTrần Thắng	3	121	4	116	3	116			10	353
10	THCS Danh Thắng	4	137	3	128					7	265
11	THCS Đức Thắng	6	256	6	231					12	487
12	THCS Bắc Lý	5	185	5	185					10	370
13	THCS Mai Đình	4	140	4	126	4	146			12	412
14	THCS Châu Minh	4	152	5	174	4	147			13	473
15	THCS Hương Lâm	6	257	5	187	5	194			16	638
16	THCS Xuân Cẩm	4	158	4	136	4	132			12	426
17	THCS Mai Trung	5	207	6	220	0				11	427
18	THCS Thường Thắng	4	163	4	149	3	122			11	434
19	THCS Hợp Thịnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	THCS Đông Lễ	7	260	6	229					13	489
21	THCS Đoan Bái	6	237	5	202	6	234			17	673
22	THCS Lương Phong	7	287	6	267	5	223			18	777
23	THCS Thái Sơn	2	75	3	96					5	171
24	THCS Hòa Sơn	2	72	3	89					5	161
25	THCS Hùng Sơn	2	84	2	85	2	64			6	233
26	THCS Quang Minh	2	72	2	78					4	150
27	THCS Hoàng An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng		94	3600	89	3244	49	1796	0	0	232	8640

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TIN HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT MỚI
TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2018-2021**

(Kèm theo Kế hoạch số 100/KH-UBND, ngày 15 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Năm học	Tổng số lớp, số học sinh học tin		Chia ra theo lộ trình					
			Số lớp	Số học sinh	Khối 3		Khối 4		Khối 5	
					số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh
1	Tiểu học Hoàng Thanh	2018-2019	3	92	3	92				
		2019-2020	6	195	3	103	3	92		
		2020-2021	10	303	4	108	3	103	3	92
2	Tiểu học Thanh Vân	2018-2019	3	101	3	101				
		2019-2020	7	217	4	116	3	101		
		2020-2021	11	353	4	136	4	116	3	101
3	Tiểu học Hoàng Vân	2018-2019	4	118	4	118				
		2019-2020	8	243	4	125	4	118		
		2020-2021	12	367	4	124	4	125	4	118
4	Tiểu học Thái Sơn	2018-2019	3	98	3	98				
		2019-2020	6	205	3	107	3	98		
		2020-2021	11	354	5	149	3	107	3	98
5	Tiểu học Hoà Sơn	2018-2019	3	104	3	104				
		2019-2020	6	214	3	110	3	104		
		2020-2021	9	376	3	162	3	110	3	104
6	Tiểu học Hùng Sơn	2018-2019	3	101	3	101				
		2019-2020	6	204	3	103	3	101		
		2020-2021	10	323	4	119	3	103	3	101
7	Tiểu học Thường Thắng	2018-2019	6	191	6	191				
		2019-2020	12	382	6	191	6	191		
		2020-2021	20	651	8	269	6	191	6	191
8	Tiểu học Hoàng An	2018-2019	3	89	3	89				
		2019-2020	7	212	4	123	3	89		
		2020-2021	13	391	6	179	4	123	3	89
9	Tiểu học Ngọc Sơn	2018-2019	5	186	5	186				
		2019-2020	11	385	6	199	5	186		
		2020-2021	19	666	8	281	6	199	5	186
10	Tiểu học Lương Phong 1	2018-2019	3	105	3	105				
		2019-2020	6	222	3	117	3	105		
		2020-2021	9	342	3	120	3	117	3	105
11	Tiểu học Lương Phong 2	2018-2019	5	149	5	149				
		2019-2020	10	295	5	146	5	149		
		2020-2021	15	442	5	147	5	146	5	149
12	Tiểu học Đức Thắng 1	2018-2019	4	136	4	136				
		2019-2020	8	286	4	150	4	136		
		2020-2021	13	437	5	151	4	150	4	136
13	Tiểu học Đức Thắng 2	2018-2019	4	119	4	119				
		2019-2020	8	275	4	156	4	119		
		2020-2021	12	477	4	202	4	156	4	119
14	Tiểu học Danh Thắng	2018-2019	5	151	5	151				
		2019-2020	10	324	5	173	5	151		
		2020-2021	15	501	5	170	5	173	5	151
		2018-2019	3	99	3	99				

15	Tiểu học Hoàng Lương	2019-2020	7	217	4	118	3	99		
		2020-2021	12	378	5	161	4	118	3	99
16	Tiểu học Thị trấn	2018-2019	4	150	4	150				
		2019-2020	9	333	5	183	4	150		
		2020-2021	14	472	5	135	5	183	4	154
17	Tiểu học Đoàn Bái 1	2018-2019	5	169	5	169				
		2019-2020	10	340	5	171	5	169		
		2020-2021	16	529	6	189	5	171	5	169
18	Tiểu học Đoàn Bái 2	2018-2019	4	117	4	117				
		2019-2020	7	210	3	93	4	117		
		2020-2021	10	319	3	109	3	93	4	117
19	Tiểu học Bắc Lý 1	2018-2019	3	94	3	94				
		2019-2020	6	193	3	99	3	94		
		2020-2021	11	360	5	167	3	99	3	94
20	Tiểu học Bắc Lý 2	2018-2019	2	76	2	76				
		2019-2020	5	157	3	81	2	76		
		2020-2021	9	272	4	115	3	81	2	76
21	Tiểu học Xuân Cẩm	2018-2019	5	154	5	154				
		2019-2020	11	325	6	171	5	154		
		2020-2021	20	558	9	233	6	171	5	154
22	Tiểu học Mai Trung 1	2018-2019	4	114	4	114				
		2019-2020	8	219	4	105	4	114		
		2020-2021	13	374	5	155	4	105	4	114
23	Tiểu học Mai Trung 2	2018-2019	5	137	5	137				
		2019-2020	10	287	5	150	5	137		
		2020-2021	16	511	6	224	5	150	5	137
24	Tiểu học Hợp Thịnh 1	2018-2019	5	155	5	155				
		2019-2020	10	319	5	164	5	155		
		2020-2021	16	500	6	174	5	164	5	155
25	Tiểu học Hợp Thịnh 2	2018-2019	2	60	2	60				
		2019-2020	4	109	2	49	2	60		
		2020-2021	7	186	3	77	2	49	2	60
26	Tiểu học Quang Minh	2018-2019	3	82	3	82				
		2019-2020	6	178	3	96	3	82		
		2020-2021	10	299	4	121	3	96	3	82
27	Tiểu học Hương Lâm 1	2018-2019	5	128	5	128				
		2019-2020	9	258	4	130	5	128		
		2020-2021	15	450	6	192	4	130	5	128
28	Tiểu học Hương Lâm 2	2018-2019	3	86	3	86				
		2019-2020	6	176	3	90	3	86		
		2020-2021	10	312	4	136	3	90	3	86
29	Tiểu học Đông Lỗ 1	2018-2019	7	208	7	208				
		2019-2020	14	412	7	204	7	208		
		2020-2021	24	690	10	278	7	204	7	208
30	Tiểu học Đông Lỗ 2	2018-2019	3	82	3	82				
		2019-2020	6	155	3	73	3	82		
		2020-2021	9	218	3	63	3	73	3	82
31	Tiểu học Châu Minh	2018-2019	6	188	6	188				
		2019-2020	14	400	8	212	6	188		
		2020-2021	23	726	10	326	7	212	6	188
32	Tiểu học Mai Đình 1	2018-2019	6	154	6	154				
		2019-2020	11	352	6	198	5	154		
		2020-2021	19	598	8	246	6	198	5	154

33	TH&THCS Mai Đình	2018-2019	2	50	2	50				
		2019-2020	4	100	2	50	2	50		
		2020-2021	6	169	2	69	2	50	2	50
34	TH&THCS Đại Thành	2018-2019	2	48	2	48				
		2019-2020	4	105	2	57	2	48		
		2020-2021	6	165	2	60	2	57	2	48
35	TH&THCS Đồng Tân	2018-2019	2	64	2	64				
		2019-2020	4	120	2	56	2	64		
		2020-2021	7	200	3	80	2	56	2	64
Tổng toàn huyện		2018-2019	135	4,155	135	4,155	-	-	-	-
		2019-2020	276	8,624	142	4,469	134	4,155	-	-
		2020-2021	452	14,269	177	5,627	141	4,469	134	4,159

UBND HUYỆN HIỆP HÒA
KẾ HOẠCH DẠY HỌC TIN HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT MỚI
TRONG TRƯỜNG THCS GIAI ĐOẠN 2018-2021
(Phụ lục 4b)
(Kèm theo Kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 09 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Năm học	Tổng số lớp, học sinh học tin học theo CTGDPT mới		Chia ra theo lộ trình							
					Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9	
			Số lớp	Số học sinh	số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh	số lớp	số học sinh
1	TH&THCS Mai Đình	2018-2019	1	37	1	37						
		2019-2020	2	74	1	37	1	37				
		2020-2021	3	109	1	35	1	37	1	37		
		2021-2022	5	159	2	50	1	35	1	37	1	37
2	TH&THCS Đại Thành	2018-2019	2	52	2	52						
		2019-2020	4	104	2	52	2	52				
		2020-2021	6	157	2	53	2	52	2	52		
		2021-2022	8	205	2	48	2	53	2	52	2	52
3	TH&THCS Đồng Tân	2018-2019	2	57	2	57						
		2019-2020	4	119	2	62	2	57				
		2020-2021	6	175	2	56	2	62	2	57		
		2021-2022	8	239	2	64	2	56	2	62	2	57
4	THCS Thanh Vân	2018-2019	2	81	2	81						
		2019-2020	5	194	3	113	2	81				
		2020-2021	8	291	3	97	3	113	2	81		
		2021-2022	11	392	3	101	3	97	3	113	2	81
5	THCS Hoàng Vân	2018-2019	3	123	3	123						
		2019-2020	5	210	2	87	3	123				
		2020-2021	8	336	3	126	2	87	3	123		
		2021-2022	11	458	3	122	3	126	2	87	3	123
6	THCS Hoàng Lương	2018-2019	3	106	3	106						
		2019-2020	6	194	3	88	3	106				
		2020-2021	10	320	4	126	3	88	3	106		
		2021-2022	18	419	3	99	4	126	8	88	3	106
7	THCS Hoàng Thanh	2018-2019	3	80	3	80						
		2019-2020	6	169	3	89	3	80				
		2020-2021	9	256	3	87	3	89	3	80		
		2021-2022	12	348	3	92	3	87	3	89	3	80
8	THCS Ngọc Sơn	2018-2019	4	153	4	153						
		2019-2020	9	318	5	165	4	153				
		2020-2021	14	494	5	176	5	165	4	153		
		2021-2022	19	678	5	184	5	176	5	165	4	153
		2018-2019	4	151	4	151						

9	THCS Thị Trấn Thắng	2019-2020	10	305	5	154	5	151				
		2020-2021	15	455	5	150	5	154	5	151		
		2021-2022	20	638	5	183	5	150	5	154	5	151
10	THCS Danh Thắng	2018-2019	4	130	4	130						
		2019-2020	8	271	4	136	4	135				
		2020-2021	13	424	5	158	4	136	4	130		
		2021-2022	18	575	5	151	5	158	4	136	4	130
11	THCS Đức Thắng	2018-2019	7	230	7	230						
		2019-2020	14	466	7	236	7	230				
		2020-2021	21	725	7	259	7	236	7	230		
		2021-2022	28	960	7	235	7	259	7	236	7	230
12	THCS Bắc Lý	2018-2019	6	210	6	210						
		2019-2020	12	419	6	209	6	210				
		2020-2021	19	669	7	250	6	209	6	210		
		2021-2022	25	898	6	229	7	250	6	209	6	210
13	THCS Mai Đình	2018-2019	5	169	5	169						
		2019-2020	10	332	5	163	5	169				
		2020-2021	16	520	6	188	5	163	5	169		
		2021-2022	20	674	4	154	6	188	5	163	5	169
14	THCS Châu Minh	2018-2019	5	175	5	175						
		2019-2020	10	344	5	169	5	175				
		2020-2021	15	519	5	175	5	169	5	175		
		2021-2022	20	707	5	188	5	175	5	169	5	175
15	THCS Hương Lâm	2018-2019	5	214	5	214						
		2019-2020	11	441	6	227	5	214				
		2020-2021	17	688	6	247	6	227	5	214		
		2021-2022	23	903	6	215	6	247	6	227	5	214
16	THCS Xuân Cẩm	2018-2019	5	172	5	172						
		2019-2020	10	332	5	160	5	172				
		2020-2021	15	511	5	179	5	160	5	172		
		2021-2022	19	665	4	154	5	179	5	160	5	172
17	THCS Mai Trung	2018-2019	5	207	5	207						
		2019-2020	10	416	5	209	5	207				
		2020-2021	15	624	5	208	5	209	5	207		
		2021-2022	21	870	6	246	5	208	5	209	5	207
18	THCS Thường Thắng	2018-2019	4	162	4	162						
		2019-2020	7	286	3	124	4	162				
		2020-2021	11	458	4	172	3	124	4	162		
		2021-2022	16	649	5	191	4	172	3	124	4	162
19	THCS Hợp Thịnh	2018-2019	6	206	6	206						
		2019-2020	11	380	5	174	6	206				
		2020-2021	17	570	6	190	5	174	6	206		
		2021-2022	23	785	6	215	6	190	5	174	6	206

20	THCS Đông Lễ	2018-2019	7	276	7	276						
		2019-2020	14	523	7	247	7	276				
		2020-2021	21	798	7	275	7	247	7	276		
		2021-2022	28	1074	7	281	7	270	7	247	7	276
21	THCS Đoàn Bái	2018-2019	6	266	6	266						
		2019-2020	12	499	6	233	6	266				
		2020-2021	19	780	7	281	6	233	6	266		
		2021-2022	26	1071	7	291	7	281	6	233	6	266
22	THCS Lương Phong	2018-2019	7	270	7	270						
		2019-2020	14	558	7	288	7	270				
		2020-2021	21	866	7	308	7	288	7	270		
		2021-2022	28	1170	7	304	7	308	7	288	7	270
23	THCS Thái Sơn	2018-2019	3	102	3	102						
		2019-2020	6	204	3	102	3	102				
		2020-2021	9	328	3	124	3	102	3	102		
		2021-2022	12	428	3	100	3	124	3	102	3	102
24	THCS Hòa Sơn	2018-2019	3	105	3	105						
		2019-2020	5	191	2	86	3	105				
		2020-2021	8	291	3	100	2	86	3	105		
		2021-2022	11	395	3	104	3	100	2	86	3	105
25	THCS Hùng Sơn	2018-2019	3	101	3	101						
		2019-2020	5	186	2	85	3	101				
		2020-2021	8	288	3	102	2	85	3	101		
		2021-2022	11	389	3	101	3	102	2	85	3	101
26	THCS Quang Minh	2018-2019	3	83	3	83						
		2019-2020	5	156	2	73	3	83				
		2020-2021	8	246	3	90	2	73	3	83		
		2021-2022	11	328	3	82	3	90	2	73	3	83
27	THCS Hoàng An	2018-2019	3	87	3	87						
		2019-2020	6	182	3	95	3	87				
		2020-2021	9	294	3	112	3	95	3	87		
		2021-2022	12	388	3	94	3	112	3	95	3	87
Tổng toàn huyện		2018-2019	111	4,005	111	4,005						
		2019-2020	221	7873	109	3,863	112	4,010				
		2020-2021	341	12192	120	4,324	109	3,863	112	4,005		
		2021-2022	464	16465	118	4,278	120	4,319	114	3,863	112	4,005

UBND HUYỆN HIỆP HÒA
NHU CẦU GIÁO VIÊN TIN HỌC
TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2018-2021
(Phụ lục 5a)
(Kèm theo Kế hoạch số 150/KH-UBND, ngày 21 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Số GV hiện có (không tính GV kiêm nhiệm có chứng chỉ Tin)	Năm học	Số lớp, số tiết học Tin học theo lộ trình			Nhu cầu GV(tính lũy kế)	Kế hoạch bổ sung GV hằng năm
				số lớp		Số tiết học /tuần		
				học theo chương trình GDPT mới	học theo chương trình hiện hành			
1	Tiểu học Hoàng Thanh	0	2018-2019	3	6	18	1	1
			2019-2020	6	3	18	1	
			2020-2021	10		20	1	
2	Tiểu học Thanh Vân	0	2018-2019	3	7	20	1	1
			2019-2020	7	3	20	1	
			2020-2021	11		22	1	
3	Tiểu học Hoàng Vân	0	2018-2019	4	7	22	1	1
			2019-2020	8	3	22	1	
			2020-2021	12		24	1	
4	Tiểu học Thái Sơn	0	2018-2019	3	7	20	1	1
			2019-2020	6	4	20	1	
			2020-2021	11		22	1	
5	Tiểu học Hoà Sơn	0	2018-2019	3	6	18	1	1
			2019-2020	6	3	18	1	
			2020-2021	9		18	1	
6	Tiểu học Hùng Sơn	0	2018-2019	3	6	18	1	1
			2019-2020	6	3	18	1	
			2020-2021	10		20	1	
7	Tiểu học Thường Thắng	1	2018-2019	6	9	30	2	1
			2019-2020	12	5	34	2	
			2020-2021	20		40	2	
8	Tiểu học Hoàng An	0	2018-2019	3	7	20	1	1
			2019-2020	7	4	22	1	
			2020-2021	13		26	1	
9	Tiểu học Ngọc Sơn	0	2018-2019	5	10	30	2	2
			2019-2020	11	5	32	2	
			2020-2021	19		38	2	
10	Tiểu học Lương Phong 1	1	2018-2019	5	10	30	2	1
			2019-2020	10	5	30	2	
			2020-2021	18		36	2	
11	Tiểu học Lương Phong 2	1	2018-2019	5	8	26	2	1
			2019-2020	10	4	28	2	
			2020-2021	15		30	2	
12	Tiểu học Đức Thắng 1	1	2018-2019	4	7	22	1	
			2019-2020	8	3	22	1	
			2020-2021	13		26	2	1
13	Tiểu học Đức Thắng 2	1	2018-2019	4	8	24	1	
			2019-2020	8	4	24	1	
			2020-2021	12		24	1	
14	Tiểu học Danh Thắng	1	2018-2019	5	9	28	2	1
			2019-2020	10	5	30	2	
			2020-2021	15		30	2	
15	Tiểu học Hoàng Lương	1	2018-2019	3	7	20	1	
			2019-2020	7	3	20	1	
			2020-2021	12		24	1	
			2018-2019	4	8	24	1	

16	Tiểu học Thị trấn	1	2019-2020	9	4	26	2	1
			2020-2021	14		28	2	
17	Tiểu học Đoàn Bái 1	1	2018-2019	5	10	30	2	1
			2019-2020	10	5	30	2	
			2020-2021	16		32	2	
18	Tiểu học Đoàn Bái 2	1	2018-2019	4	6	20	1	
			2019-2020	7	3	20	1	
			2020-2021	10		20	1	
19	Tiểu học Bắc Lý 1	1	2018-2019	5	10	30	2	1
			2019-2020	13	4	34	2	
			2020-2021	20		40	2	
20	Tiểu học Bắc Lý 2	0	2018-2019	2	4	12	1	1
			2019-2020	5	2	14	1	
			2020-2021	9		18	1	
21	Tiểu học Xuân Cầm	1	2018-2019	5	11	32	2	1
			2019-2020	11	6	34	2	
			2020-2021	20		40	2	
22	Tiểu học Mai Trung 1	1	2018-2019	4	6	20	1	
			2019-2020	8	3	22	1	
			2020-2021	13		26	2	1
23	Tiểu học Mai Trung 2	1	2018-2019	5	9	28	2	1
			2019-2020	10	4	28	2	
			2020-2021	16		32	2	
24	Tiểu học Hợp Thịnh 1	1	2018-2019	5	8	26	2	1
			2019-2020	10	4	28	2	
			2020-2021	16		32	2	
25	Tiểu học Hợp Thịnh 2	1	2018-2019	2	4	12	1	
			2019-2020	4	2	12	1	
			2020-2021	7		14	1	
26	Tiểu học Quang Minh	0	2018-2019	3	6	18	1	1
			2019-2020	6	3	18	1	
			2020-2021	10		20	1	
27	Tiểu học Hương Lâm 1	1	2018-2019	5	10	30	1	
			2019-2020	9	5	28	1	
			2020-2021	15		30	2	1
28	Tiểu học Hương Lâm 2	1	2018-2019	3	6	18	1	
			2019-2020	6	3	18	1	
			2020-2021	10		20	1	
29	Tiểu học Đông Lỗ 1	1	2018-2019	7	11	36	2	1
			2019-2020	14	6	40	2	
			2020-2021	24		48	2	
30	Tiểu học Đông Lỗ 2	1	2018-2019	3	6	18	1	
			2019-2020	6	3	18	1	
			2020-2021	9		18	1	
31	Tiểu học Châu Minh	1	2018-2019	6	11	34	2	1
			2019-2020	14	6	40	2	
			2020-2021	23		46	2	
32	Tiểu học Mai Đình 1	1	2018-2019	6	11	34	2	1
			2019-2020	11	6	34	2	
			2020-2021	19		38	2	
33	TH&THCS Mai Đình	0	2018-2019	2	2	8	1	
			2019-2020	4	1	10	1	
			2020-2021	6		12	1	
34	TH&THCS Đại Thành	0	2018-2019	2	4	12	1	
			2019-2020	4	2	12	1	
			2020-2021	6		12	1	
35	TH&THCS Đồng Tân	1	2018-2019	2	4	12	1	
			2019-2020	4	2	12	1	
			2020-2021	7		14	1	
Tổng toàn huyện		23	2018-2019	139	261	800	48	23
			2019-2020	287	131	836	49	1
			2020-2021	470	0	940	52	3
Tổng cả giai đoạn				896		2,576	149	27

UBND HUYỆN HIỆP HÒA
NHU CẦU GIÁO VIÊN TIN HỌC
TRONG TRƯỜNG THCS GIAI ĐOẠN 2018-2021 (Phụ lục 5b)
(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Số giáo viên hiện có			Năm học	Số lớp, Số tiết học tin học theo lộ trình			Nhu cầu GV(tính lũy kế)		Kế hoạch bổ sung GV hằng năm
		Tổng số	Chuyên tin	Kiêm nhiệm		Số lớp		Số tiết học/tuần	GV chuyên	Kiêm nhiệm	
						học theo chương trình GDPT mới	học theo chương trình hiện hành				
1	TH&THCS Mai Đình	1	1		2018-2019	1	2	6	1		
					2019-2020	2	1	6	1		
					2020-2021	3		6	1		
					2021-2022	5		10	1		
2	TH&THCS Đại Thành	2	1	1	2018-2019	2	3	10	1	1	
					2019-2020	4	2	12	1	1	
					2020-2021	6		12	1	1	
					2021-2022	8		16	1	1	
3	TH&THCS Đồng Tân	0	0		2018-2019	2	4	12	1		1
					2019-2020	4	2	12	1		
					2020-2021	6		12	1		
					2021-2022	8		16	1		
4	THCS Thanh Vân	1	1		2018-2019	2	6	16	1		
					2019-2020	5	3	16	1		
					2020-2021	8		16	1		
					2021-2022	11		22	2		1
5	THCS Hoàng Vân	2	0	2	2018-2019	3	6	18	1	2	1
					2019-2020	5	3	16	1	2	
					2020-2021	8		16	1	2	
					2021-2022	11		22	1	2	
6	THCS Hoàng Lương	2	1	1	2018-2019	3	6	18	1	1	
					2019-2020	6	3	18	1	1	
					2020-2021	10		20	1	1	
					2021-2022	18		36	2	1	1
7	THCS Hoàng Thanh	2	0	2	2018-2019	3	5	16	1	2	1
					2019-2020	6	2	16	1	2	
					2020-2021	9		18	1	2	
					2021-2022	12		24	1	2	
8	THCS Ngọc Sơn	5	1	4	2018-2019	4	10	28	1	4	
					2019-2020	9	5	28	1	4	

	8 THCS Ngọc Sơn	2	1	1	2020-2021	14		28	1	4	
					2021-2022	19		38	2	4	1
9	THCS Thị Trấn Thắng	2	1	1	2018-2019	4	8	24	1	1	
					2019-2020	10	4	28	2	1	1
					2020-2021	15		30	2	1	
					2021-2022	20		40	2	1	
10	THCS Danh Thắng	4	1	3	2018-2019	4	7	22	1	3	
					2019-2020	8	4	24	1	3	
					2020-2021	13		26	1	3	
					2021-2022	18		36	2	3	1
11	THCS Đức Thắng	3	2	1	2018-2019	7	12	38	2	1	
					2019-2020	14	6	40	2	1	
					2020-2021	21		42	3	1	1
					2021-2022	28		56	3	1	
12	THCS Bắc Lý	1	1		2018-2019	6	10	32	1		
					2019-2020	12	5	34	1		
					2020-2021	19		38	2		1
					2021-2022	25		50	3		1
13	THCS Mai Đình	4	1	3	2018-2019	5	8	26	1	3	
					2019-2020	10	4	28	1	3	
					2020-2021	16		32	2	3	1
					2021-2022	20		40	2	3	
14	THCS Châu Minh	2	1	1	2018-2019	5	9	28	1	1	
					2019-2020	10	4	28	1	1	
					2020-2021	15		30	2	1	1
					2021-2022	20		40	2	1	
15	THCS Hương Lâm	6	2	4	2018-2019	5	11	32	2	4	
					2019-2020	11	6	34	2	4	
					2020-2021	17		34	2	4	
					2021-2022	23		46	2	4	
16	THCS Xuân Cẩm	1	1		2018-2019	5	8	26	1		
					2019-2020	10	4	28	1		
					2020-2021	15		30	2		1
					2021-2022	19		38	2		
17	THCS Mai Trung	4	2	2	2018-2019	5	11	32	2	2	
					2019-2020	10	5	30	2	2	
					2020-2021	15		30	2	2	
					2021-2022	21		42	2	2	
18	THCS Thường Thắng	5	1	4	2018-2019	4	8	24	1	4	
					2019-2020	7	4	22	1	4	
					2020-2021	11		22	1	4	
					2021-2022	16		32	2	4	1
					2018-2019	6	9	30	2	0	

19	THCS Hợp Thịnh	2	2		2019-2020	11	4	30	2	0	
					2020-2021	17		34	2	0	
					2021-2022	23		46	3	0	1
20	THCS Đông Lễ	7	2	5	2018-2019	7	13	40	2	5	
					2019-2020	14	7	42	2	5	
					2020-2021	21		42	2	5	
					2021-2022	28		56	3	5	1
21	THCS Đoàn Bái	5	1	4	2018-2019	6	11	34	1	4	
					2019-2020	12	6	36	2	4	1
					2020-2021	19		38	2	4	
					2021-2022	26		52	3	4	1
22	THCS Lương Phong	2	2		2018-2019	7	13	40	2	0	
					2019-2020	14	7	42	2	0	
					2020-2021	21		42	2	0	
					2021-2022	28		56	3	0	1
23	THCS Thái Sơn	1	1		2018-2019	3	5	16	1	0	
					2019-2020	6	2	16	1	0	
					2020-2021	9		18	1	0	
					2021-2022	12		24	2	0	1
24	THCS Hòa Sơn	1	0	1	2018-2019	3	5	16	1	1	1
					2019-2020	5	2	14	1	1	
					2020-2021	8		16	1	1	
					2021-2022	11		22	1	1	
25	THCS Hùng Sơn	1	1		2018-2019	3	4	14	1	0	
					2019-2020	5	2	14	1	0	
					2020-2021	8		16	1	0	
					2021-2022	11		22	2	0	1
26	THCS Quang Minh	3	1	2	2018-2019	3	4	14	1	2	
					2019-2020	5	2	14	1	2	
					2020-2021	8		16	1	2	
					2021-2022	11		22	1	2	
27	THCS Hoàng An	1	0	1	2018-2019	3	5	16	1	1	1
					2019-2020	6	2	16	1	1	
					2020-2021	9		18	1	1	
					2021-2022	12		24	1	1	
Tổng toàn huyện		70	28	42	2018-2019	111		628	33	42	5
					2019-2020	221		644	35	42	2
					2020-2021	341		682	40	42	5
					2021-2022	464		928	52	42	12
Số giáo viên tin học cần bổ sung trong cả giai đoạn											24

**TỔNG HỢP LỘ TRÌNH TRANG BỊ THIẾT BỊ DẠY TIN HỌC VÀ ỨNG DỤNG CNTT
CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC**

(Phụ lục 6a)

(Kèm theo Kế hoạch số 150/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Tổng giai đoạn 2017-2021					Chia ra theo từng năm														
							Năm học 2018-2019					Năm học 2019-2020					Năm học 2020-2021				
		Máy tinh	Máy chiều	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in	Máy tinh	Máy chiều	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in	Máy tinh	Máy chiều	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in	Máy tinh	Máy chiều	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in
1	Tiểu học Hoàng Thanh	15	3	1	1	2	15		1	1	1		2			1		1			
2	Tiểu học Thanh Vân	18	0	1	1	1	18		1	1						1		0			
3	Tiểu học Hoàng Vân	15	2	1	1	1	15			1				1		1		2			
4	Tiểu học Thái Sơn	13	4	1	1	0	13	1		1			2					1	1		
5	Tiểu học Hoà Sơn	13	2	1	1	0	13			1			1	1				1			
6	Tiểu học Hùng Sơn	18	3	1	1	2	18			1	1			1		1		3			
7	Tiểu học Thường Thắng	15	9	1	1	1	15	4	1	1			2			1		3			
8	Tiểu học Hoàng An	17	4	1	1	1	17	1		1			1	1		1		2			
9	Tiểu học Ngọc Sơn	19	8	1	1	1	19	3	1	1			3			1		2			
10	Tiểu học Lương Phong 1	15	1	1	1	1	15			1				1		1		1			
11	Tiểu học Lương Phong 2	12	6	1	1	2	12	2		1	1		2	1		1		2			
12	Tiểu học Đức Thắng 1	10	5	1	1	1	10	2	1	1			2			1		1			
13	Tiểu học Đức Thắng 2	10	3	1	1	0	10			1				1				3			
14	Tiểu học Danh Thắng	23	6	1	1	3	23	2	1	1	1		2			2		2			
15	Tiểu học Hoàng Lương	20	4	1	1	3	20	1		1	1		2			2		1	1		
16	Tiểu học Thị trấn	12	3	1	1	2	12			1	1		1	1		1		2			
17	Tiểu học Đoàn Bái 1	11	6	1	1	0	11	2					2	1	1			2			
18	Tiểu học Đoàn Bái 2	11	2	1	1	1	11								1	1		2	1		
19	Tiểu học Bắc Lý 1	20	4	1	1	2	20	1			1		2		1	1		1	1		
20	Tiểu học Bắc Lý 2	15	2	1	1	1	15							1	1	1		2			
21	Tiểu học Xuân Cầm	0	9	1	1	0	0	5					2		1			2	1		
22	Tiểu học Mai Trung 1	15	7	1	1	4	15	3	1		2		3		1	2		1			
23	Tiểu học Mai Trung 2	9	7	1	1	2	9	3			1		2	1	1	1		2			
24	Tiểu học Hợp Thịnh 1	17	6	1	1	0	17	2	1				2		1			2			
25	Tiểu học Hợp Thịnh 2	16	3	1	1	3	16				2			1	1	1		3			
26	Tiểu học Quang Minh	12	4	1	1	3	12	1	1		2		1		1	1		2			

27	Tiểu học Hương Lâm 1	10	5	1	1	1	10	2					1		1	1		2	1		
28	Tiểu học Hương Lâm 2	17	3	1	1	2	17				1			1	1	1		3			
29	Tiểu học Đông Lỗ 1	7	11	1	1	1	7	5					3		1	1		3	1		
30	Tiểu học Đông Lỗ 2	18	1	1	1	1	18				1				1			1	1		
31	Tiểu học Châu Minh	25	11	1	1	1	25	5	1		1		3		1			3			
32	Tiểu học Mai Đình 1	25	7	1	1	1	25	2					3	1	1	1		2			
Tổng		473	152	32	32	44	473	47	10	16	17	0	44	14	16	27	0	61	8	0	0

**TỔNG HỢP LỘ TRÌNH TRANG BỊ THIẾT BỊ DẠY TIN HỌC VÀ ỨNG DỤNG CNTT
CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG TRƯỜNG THCS**

(Phụ lục 6b)

(Kèm theo Kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Tổng giai đoạn 2017-2021					Chia ra theo từng năm														
							Năm học 2018-2019					Năm học 2019-2020					Năm học 2020-2021				
		Máy tinh	Máy chiếu	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in	Máy tinh	Máy chiếu	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in	Máy tinh	Máy chiếu	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in	Máy tinh	Máy chiếu	Thiết bị thông minh	máy quét	Máy in
1	TH&THCS Mai Đình	19	3	1	1	2	19			1	1			1				3			1
2	TH&THCS Đại Thành	18	4	1	1	0	18	2					1					1	1	1	0
3	TH&THCS Đồng Tân	25	6	1	1	3	25	4			2		2	1	1						1
4	THCS Thanh Vân	13	3	1	1	4	13	1		1	2		1			1		1	1		1
5	THCS Hoàng Vân	20	0	1	1	1	20							1	1			0			1
6	THCS Hoàng Lương	17	10	1	1	4	17	4			2		4			1		2	1	1	1
7	THCS Hoàng Thanh	20	4	1	1	1	20	2	1	1			1					1			1
8	THCS Ngọc Sơn	17	6	1	1	0	17	3		1		25	2	1				1			0
9	THCS Thị Trăn Thắng	5	8	1	1	0	5	4				20	3		1			1	1		0
10	THCS Danh Thắng	15	7	1	1	1	15	3	1	1		20	2					2		1	1
11	THCS Đức Thắng	18	8	1	1	1	18	3	1				3					2			1
12	THCS Bắc Lý	50	12	1	1	2	50	4		1		30	4	1		1	30	4			1
13	THCS Mai Đình	17	9	1	1	0	17	4	1			25	3		1			2			0
14	THCS Châu Minh	15	9	1	1	2	15	4			1	25	3	1	1			2			1
15	THCS Hương Lâm	47	11	1	1	2	47	5	1		1	30	3				27	3		1	1
16	THCS Xuân Cầm	25	8	1	1	2	25	3				30	4	1	1	1		1			1
17	THCS Mai Trung	36	9	1	1	1	36	3		1		25	3				21	3	1		1
18	THCS Thường Thắng	24	7	1	1	2	24	2			1		4				29	1	1	1	1
19	THCS Hợp Thịnh	14	11	1	1	1	14	4					4	1				3		1	1
20	THCS Đông Lễ	29	15	1	1	2	29	5		1	1	25	6			1	19	4	1		
21	THCS Đoàn Bái	45	11	1	1	1	45	4	1			30	4		1		25	3			1
22	THCS Lương Phong	28	15	1	1	1	28	5	1			25	5		1		18	5			1
23	THCS Thái Sơn	5	3	1	1	1	5	1		1			2	1							1
24	THCS Hòa Sơn	25	6	1	1	3	25	3			1		2			1		1	1	1	1
25	THCS Hùng Sơn	25	4	1	1	2	25	2	1	1			1			1		1			1
26	THCS Quang Minh	10	4	1	1	2	10	2			1		2	1		1				1	
27	THCS Hoàng An	22	5	1	1	2	22	3					1		1			1	1		2
Tổng		604	198	27	27	43	604	80	8	10	13	310	70	10	9	8	169	48	9	8	22
Tổng toàn huyện		1,077	350	59	59	87	1,077	127	18	26	30	310	114	24	25	35	169	109	17	8	22

**NHU CẦU KINH PHÍ MUA SẴM THIẾT BỊ DẠY TIN HỌC
VÀ ỨNG DỤNG CNTT CÔNG TÁC QUẢN LÝ**

(Phụ lục 7)

(Kèm theo Kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 17 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

Stt	Tên trường Tiểu học	Tổng cả giai đoạn	Nguồn ngân sách huyện, xã và các nguồn khác (Triệu đồng)			Tên trường THCS	Tổng cả giai đoạn	Nguồn ngân sách huyện, xã và các nguồn khác (Triệu đồng)		
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tiểu học Hoàng Thanh	270	191	54	25	TH&THCS Mai Đình	310	206	25	79
2	Tiểu học Thanh Vân	221	217	4	0	TH&THCS Đại Thành	317	230	25	62
3	Tiểu học Hoàng Vân	246	162	29	55	TH&THCS Đông Tân	449	358	87	4
4	Tiểu học Thái Sơn	267	167	50	50	THCS Thanh Vân	258	175	29	54
5	Tiểu học Hoà Sơn	217	142	50	25	THCS Hoàng Vân	241	200	37	4
6	Tiểu học Hùng Sơn	300	196	29	75	THCS Hoàng Lương	473	278	104	91
7	Tiểu học Thường Thắng	416	287	54	75	THCS Hoàng Thanh	341	287	25	29
8	Tiểu học Hoàng An	311	207	54	50	THCS Ngọc Sơn	607	257	325	25
9	Tiểu học Ngọc Sơn	431	302	79	50	THCS Thị Trăn Thắng	487	150	287	50
10	Tiểu học Lương Phong 1	226	162	29	35	THCS Danh Thắng	578	262	250	66
11	Tiểu học Lương Phong 2	315	186	79	50	THCS Đức Thắng	409	280	75	54
12	Tiểu học Đức Thắng 1	266	187	54	25	THCS Bắc Lý	1445	612	429	404
13	Tiểu học Đức Thắng 2	217	112	25	80	THCS Mai Đình	682	295	337	50
14	Tiểu học Danh Thắng	429	321	58	50	THCS Châu Minh	670	254	362	54
15	Tiểu học Hoàng Lương	349	241	58	50	THCS Hương Lâm	1360	624	375	361
16	Tiểu học Thị trấn	240	136	54	50	THCS Xuân Cầm	795	325	441	29
17	Tiểu học Đoàn Bái 1	297	160	87	50	THCS Mai Trung	1086	447	325	314
18	Tiểu học Đoàn Bái 2	201	110	16	75	THCS Thường Thắng	750	294	100	356
19	Tiểu học Bắc Lý 1	345	229	66	50	THCS Hợp Thịnh	456	240	125	91
20	Tiểu học Bắc Lý 2	251	150	41	60	THCS Đông Lễ	1150	431	404	315
21	Tiểu học Xuân Cầm	262	125	62	75	THCS Đoàn Bái	1316	575	412	329
22	Tiểu học Mai Trung 1	378	258	95	25	THCS Lương Phong	1126	430	387	309
23	Tiểu học Mai Trung 2	310	169	91	50	THCS Thái Sơn	166	87	75	4
24	Tiểu học Hợp Thịnh 1	357	245	62	50	THCS Hòa Sơn	449	329	54	66
25	Tiểu học Hợp Thịnh 2	289	168	41	80	THCS Hùng Sơn	395	337	29	29
26	Tiểu học Quang Minh	269	178	41	50	THCS Quang Minh	245	154	79	12
27	Tiểu học Hương Lâm 1	266	150	41	75	THCS Hoàng An	390	295	37	58
28	Tiểu học Hương Lâm 2	290	174	41	75	Tổng	16,951	8,412	5,240	3299
29	Tiểu học Đông Lễ 1	386	195	91	100	Tổng toàn huyện	26,851	14,827	6,990	5034
30	Tiểu học Đông Lễ 2	246	184	12	50					
31	Tiểu học Châu Minh	566	404	87	75					
32	Tiểu học Mai Đình 1	466	300	116	50					
Tổng		9900	6,415	1,750	1,735					

KINH PHÍ BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 50/KH-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2017 của UBND huyện)

TT	Bậc học	Năm học 2018-2019			Năm học 2019-2020			Năm học 2020-2021			Năm học 2021-2022			Tổng cả giai đoạn		
		Số GV tham gia bồi dưỡng	Số buổi bồi dưỡng	Kinh phí bồi dưỡng (Triệu đồng)	Số GV tham gia bồi dưỡng	Số buổi bồi dưỡng	Kinh phí bồi dưỡng (Triệu đồng)	Số GV tham gia bồi dưỡng	Số buổi bồi dưỡng	Kinh phí bồi dưỡng (Triệu đồng)	Số GV tham gia bồi dưỡng	Số buổi bồi dưỡng	Kinh phí bồi dưỡng (Triệu đồng)	Số GV tham gia bồi dưỡng	Số buổi bồi dưỡng	Kinh phí bồi dưỡng (Triệu đồng)
1	Tiểu học	96	20	144	100	20	150	100	20	150	100	20	150	396	80	594
2	THCS	81	20	121.5	90	20	135	90	20	135	90	20	135	351	80	526.5
Tổng		177	40	265.5	190	40	285	190	40	285	190	40	285	747	160	1120.5